TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thuỷ.

Bà Hoàng Thị Bích Hà.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lăng Văn V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị Nguyễn Thị M và anh Lăng Văn V đăng ký kết hôn ngày 21/11/2012, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng về nhiều vấn đề như sinh con không có con trai, anh Lăng Văn V không chịu tu chí làm ăn, một mình chị Nguyễn Thị M phải đi làm kiếm tiền lo các công việc lớn nhỏ trong gia đình, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc và từ năm 2022 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có được hai bên gia đình động viên quay về đoàn tụ, tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ khi ly thân hai vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Lăng Văn V.

Về con chung, vợ chồng có 02 người con chung, cháu Lăng Thị Mỹ L sinh ngày 06/7/2013, cháu Lăng Kiều T sinh ngày 20/5/2016, hiện nay các con chung đang ở cùng bị đơn. Sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con, nguyên đơn có thu nhập ổn định từ 9.000.000 - 10.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở hợp pháp tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lăng Văn V trình bày:

Về thời gian kết hôn và về con chung như chị Nguyễn Thị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn ban đầu có hạnh phúc. Đến khoảng năm 2022 thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị M đi làm công ty vào ngày nghỉ anh V gọi về để lo giúp việc nhà nhưng chị M không về, từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay chửi mắng, xúc phạm nhau, chị M bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2022 nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn anh Lăng Văn V đồng ý.

Sau ly hôn anh Lăng Văn V yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Nguyễn Thị M tự nguyện.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M về việc ly hôn với anh Lăng Văn V. Về con chung, giao các con chung cho chị Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Lăng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lăng Văn V, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/11/2012, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân có nhiều bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 18/12/2024 của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị M và anh Lăng Văn V tự nguyện ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lăng Văn V theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lăng Văn V có 02 người con chung, cháu Lăng Thị Mỹ L sinh ngày 06/7/2013, cháu Lăng Kiều T sinh ngày 20/5/2016. Xét thấy, hiện nay các con chung đang ở cùng bị đơn, tuy nhiên bị đơn thường vắng nhà, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con; nguyên đơn đảm bảo điều kiện, khả năng về chỗ ở, thu nhập để nuôi con; nguyện vọng của các con mong muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao 02 người con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét thấy, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và xét thấy nguyên đơn có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Xét thấy, trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự thuận tình ly hôn nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà: Xét thấy, ý kiến nào của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến nào của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lăng Văn V.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lăng Văn V có 02 người con chung, cháu Lăng Thị Mỹ L sinh ngày 06/7/2013, cháu Lăng Kiều T sinh ngày 20/5/2016.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lăng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị M chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004836 ngày 09 tháng 10 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ chị Nguyễn Thị M được trả lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí đã nộp.

4.2. Anh Lăng Văn V phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Hải Đoàn